

SỰ BIẾN ĐỔI TRONG TỤC THỜ HẬU Ở TỈNH HUNG YÊN THẾ KỶ XVII - XX QUA VĂN BẢN TỤC LỆ

ĐÀO PHƯƠNG CHI*

Tóm tắt: Thờ Hậu (後/后/候) là hoạt động tâm linh trong làng xã Việt Nam. Tục này được nhiều người cho rằng đã có từ thế kỷ XVI. Tuy nhiên, những văn bản hiện còn có ghi chép về “giao kèo” thờ Hậu chỉ có niên đại sớm nhất là vào thế kỷ XVII. Dựa trên những thông tin trong các văn bản tục lệ Hán Nôm, bài viết tìm hiểu về sự thay đổi của tục thờ Hậu qua các phương diện: giới tính, số lượng, loại Hậu, nơi chịu trách nhiệm thờ Hậu tại tỉnh Hưng Yên từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX. Qua đó, bài viết rút ra kết luận sơ bộ: nguyên nhân của sự thay đổi về giới tính của Hậu khá phức tạp, không chỉ đơn thuần là do nơi gửi Hậu là môi trường phù hợp với giới nào; xu hướng chung là số lượng Hậu tăng dần theo thời gian; hai loại Hậu xuất hiện sớm nhất và tồn tại suốt trong lịch sử thờ Hậu là Hậu Phật (後佛) và Hậu Thần (後神); thôn là nơi chịu trách nhiệm thờ Hậu nhiều nhất trong các đơn vị/tổ chức làng xã.

Từ khóa: thờ Hậu, bầu Hậu, tế tự, làng xã, phong tục

Abstract: Worshipping Hau is a spiritual activity in Vietnamese villages. This custom is believed to have existed since the 16th century. However, the existing documents that record the "contract" to worship Hau only date back to the 17th century at the earliest. Based on information in Han Nom customary documents, the article studies the changes in the worship of Hau through the following aspects: gender, number, type of Hau, place responsible for worshipping Hau in Hung Yen province from the 17th to the 20th century, with the preliminary conclusion drawn that: the cause of the change in the gender of Hau is quite complicated, not simply due to the place where Hau is sent being an environment suitable for which gender; the general trend is that the number of Hau increases over time; the two types of Hau that appeared earliest and existed throughout the history of worshipping Hau are Hau Phat (後佛) and Hau Than (後神); the village is the place responsible for worshipping Hau the most in village units/organizations.

Keywords: worship the Hau, elect the Hau, sacrifice, village, customs

1. Dẫn nhập

Thờ Hậu là sự cúng giỗ một ai đó (là người thường, không phải là thần Thành Hoàng làng), do làng xã hoặc những đơn vị nhỏ hơn như giáp, ngõ, hội v.v... tiến hành. Trải qua nhiều thế kỷ, do các nguyên nhân

khác nhau, tục thờ Hậu đã có những thay đổi ở nhiều phương diện. Bài viết này sẽ bước đầu tìm hiểu sự thay đổi trong những yếu tố khái quát: giới tính của Hậu, số lượng Hậu, số lượng của các loại Hậu, đơn vị/tổ chức

* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

chịu trách nhiệm thờ Hậu, để từ đó có thể đưa ra một cái nhìn tổng quan nhất. Sự thay đổi của các yếu tố khác, như mức cung tiến, mức báo đền v.v... sẽ được bàn trong một dịp gần đây.

Khảo sát các văn bản tục lệ tỉnh Hưng Yên, chúng tôi thu thập được 257 trường hợp bầu Hậu¹ có niên đại từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, do đây là nghiên cứu để tìm hiểu sự thay đổi qua thời gian, nên chỉ những văn bản có niên đại cụ thể được đưa vào khảo sát, những bản không niên đại, hoặc niên đại không rõ ràng (chỉ ghi năm can chi) sẽ tạm để lại.

Nên nói rõ một vấn đề là không như những văn bản bầu Hậu được khắc trên bia

đá có tuổi thọ bền vững do không dễ bị thời tiết khí hậu nóng ẩm làm hư hại, những đơn bầu Hậu² được ghi trong các văn bản rất dễ bị hỏng nát vì môi trường tự nhiên cũng như các cuộc chiến tranh, bởi vậy, những gì lưu giữ được trong văn bản sẽ ít hơn trong thực tế rất nhiều - đặc biệt là những văn bản có niên đại sớm. Vì thế, những số liệu thống kê trong bài sẽ mang tính tương đối và đây cũng là khó khăn không thể khắc phục trong tình hình tư liệu hiện nay.

2. Số liệu thống kê về thờ Hậu từ nguồn tư liệu tục lệ Hưng Yên

Thông tin và số liệu cụ thể được thống kê trong các bảng dưới đây:

Bảng 1: Thế kỷ XVII

Đời vua	Nơi chịu trách nhiệm cúng thờ		Loại Hậu				Số lượng giới tính		Số lượng Hậu	Số lượt Hậu trong thế kỷ	Thời gian đầu và cuối của các văn bản bầu Hậu trong thế kỷ ³
	Thôn	Xã	Hậu Phật		Hậu Thần		Nữ	Nam			
			Nữ	Nam	Nữ	Nam					
Phúc Thái		1			2	0	2	0	2	9	Phúc Thái thứ 4 (1646) và Vĩnh Trị thứ 20 (1695) = 50 năm
Cảnh Trị	1	1			2	8	2	8	10		
Vĩnh Trị	6		2	1	0	2	2	3	5		
Tổng số	7	2	2	1	4	10	6	11	17		

Qua Bảng 1, có thể rút ra một số thông tin sau:

Giới tính của Hậu: nữ ít hơn nam;

Trung bình số lượt Hậu và số Hậu⁴ trong 1 năm: 0,18 lượt Hậu/năm; 0,34 Hậu/năm;

Loại Hậu: 2 loại, xếp thứ tự từ nhiều đến ít: Hậu Thần (14) - Hậu Phật (3);

Giới tính trong từng loại Hậu: Hậu Phật nữ nhiều hơn nam, Hậu Thần nam nhiều hơn nữ;

Nơi chịu trách nhiệm cúng thờ: 2 loại, trong đó, thứ tự từ nhiều đến ít là: thôn - xã.

Bảng 2: Thế kỷ XVIII

Đời vua	Nơi chịu trách nhiệm cúng thờ			Loại Hậu							Số lượng giới tính		Số lượng Hậu	Số lượt Hậu trong thế kỷ	Thời gian đầu và cuối của các văn bản trong thế kỷ
	Thôn	Xã	Liên xã thôn	Hậu Phật		Hậu Thần		Hậu hiền		Gửi giỗ	Nữ	Nam			
				Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
Vĩnh Thịnh	3		1	3	0	0	1				3	1	4	47	Vĩnh Thịnh thứ 4 (1708) và Cảnh Thịnh thứ 2 (1784) = 77 năm
Vĩnh Khánh	1			1							1	0	1		
Vĩnh Hựu	1						1				0	1	1		
Cảnh Hưng	25	5		8	6	9	17		6	1	18	29	46		
Quang Trung	2			2	1						2	1	3		
Cảnh Thịnh	1	9				1	3	1	7	1	3	10	13		
Tổng số	33	14	1	14	7	10	22	1	13	2	27	42	68		

Từ Bảng 2, có thể có được những thông tin sau:

Giới tính của Hậu: nữ ít hơn nam;

Số lượt Hậu và số Hậu: nhiều hơn thế kỷ XVII;

Trung bình lượt Hậu và số Hậu/năm: 0,61 lượt Hậu/năm; 0,88 Hậu/năm $\Rightarrow$ nhiều hơn thế kỷ XVII;

Loại Hậu: 4 loại - nhiều hơn thế kỷ XVII, trong đó, thứ tự các loại Hậu từ nhiều đến ít như sau: Hậu Thần (22) - Hậu Phật (21) - Hậu Hiền (14) - giới gĩa (2)⁵;

Giới tính trong từng loại Hậu: Hậu Phật nữ nhiều hơn nam, Hậu Thần nam nhiều hơn nữ, Hậu Hiền nam nhiều hơn nữ.

Nơi chịu trách nhiệm cúng thờ: 3 loại - nhiều hơn thế kỷ XVII, trong đó, thứ tự từ nhiều đến ít là: thôn - xã - liên xã thôn.

Bảng 4: Thế kỷ XX

Đời vua	Nơi chịu trách nhiệm cúng thờ			Loại Hậu										Số lượng giới tính			Số lượn g Hậu	Số lượt Hậu trong thế kỷ	Thời gian đầu và cuối của các văn bản trong thế kỷ	
	Giáp	Thôn	Xã	Hậu Phật		Hậu Thần		Gửi giỗ		Hậu Hiền		Hậu khác		Không rõ loại	Nữ	Nam				Không rõ
				Nữ	nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Không rõ giới tính						
Thành Thái		3		2						1	1				3	1	0	4	34	Thành Thái thứ 14 (1902) và Khải Định thứ 5 (1920) = 19 năm
Duy Tân	2	3	1			39	26			1		4			44	26	0	70		
Khải Định	18	4		1	1	2	2	1	1			1	1	33	5	5	33	43		
Tổng số	20	10	1	3	1	41	28	1	1	2	1	5	1	33	52	32	33	117		

Kết luận rút ra từ Bảng 4 như dưới đây:

Giới tính của Hậu: nữ nhiều hơn nam;

Số lượt Hậu và số Hậu: ít hơn thế kỷ XIX, nhiều hơn hai thế kỷ XVII và XVIII;

Trung bình lượt Hậu và số Hậu/năm - trung bình lượt Hậu: 1,79 lượt Hậu/năm; 6,16 Hậu/năm $\Rightarrow$ nhiều hơn thế kỷ XVII và XVIII, ít hơn thế kỷ XIX; trung bình số Hậu: nhiều hơn 3 thế kỷ trước;

Loại Hậu: 6 loại - bằng thế kỷ XIX và nhiều hơn thế kỷ XVII và XVIII, xếp theo thứ tự từ nhiều đến ít: Hậu Thần (69) - không rõ loại (33) - Hậu khác (6) - Hậu Phật (4) - Hậu Hiền (3) - gửi giỗ (2);

Giới tính trong từng loại Hậu: Hậu Phật, Hậu Thần, Hậu Hiền, Hậu khác số lượng nữ đều nhiều hơn nam; Gửi giỗ nam nữ bằng nhau.

Nơi chịu trách nhiệm cúng thờ: 3 loại, trong đó, thứ tự từ nhiều đến ít là: giáp - thôn - xã.

4 bảng thống kê trên được lập ra để cụ thể, hệ thống hoá những thông tin từ văn bản, lấy đó làm cơ sở để tìm hiểu tục thờ Hậu. Tuy nhiên, để có thể hình dung được rõ ràng hơn về sự thay đổi của các nhân tố trong tục thờ Hậu được tìm hiểu tại nghiên cứu này, bảng thống kê tổng hợp những thông tin chính trong thời gian 4 thế kỷ đã được lập như dưới đây:

Bảng 5: Số liệu tổng hợp từ thế kỷ XVII đến XX

Thế kỷ	Giới tính	Trung bình số lượt Hậu	Trung bình số Hậu	Số lượng các loại Hậu - so sánh số lượng giới tính						Tổng số Hậu trong thế kỷ	Thứ tự (giảm dần về số lượng) của các loại Hậu
				Hậu Phật	Hậu Thần	Hậu Hiền	Gửi giỗ	Hậu khác	Không rõ		
XVII	Nữ ít hơn nam	0,18 /năm	0,35 /năm	3 - nữ nhiều hơn	14 - nam nhiều hơn					17	Hậu Thần - Hậu Phật

XVIII	Nữ ít hơn nam	0,61/năm	0,88/năm	21 - nữ nhiều hơn	22 - nam nhiều hơn	14 - nam nhiều hơn	2 - không có nam			59	Hậu Thần - Hậu Phật - Hậu Hiền - Gửi giỏ
XIX	Nữ nhiều hơn nam	1,85/năm	3,55/năm	86 - nam nhiều hơn	47 - nam nhiều hơn	88 - nữ nhiều hơn	21 - nữ nhiều hơn	19 - nữ nhiều hơn	62 - nữ nhiều hơn	323	Hậu Hiền - Hậu Phật - Hậu thần - Không rõ - Gửi giỏ - Hậu khác
XX	Nữ nhiều hơn nam	1,79/năm	6,16/năm	4 - nữ nhiều hơn	69 - nữ nhiều hơn	3 - nữ nhiều hơn	2 - nam nữ bằng nhau	6 - nữ nhiều hơn	33 - không rõ giới tính	117	Hậu Thần - Không rõ - Hậu khác - Hậu Hiền - Hậu Phật - Gửi giỏ

Thư tịch là nhóm dễ bị tàn khuyết và hư hại, nên những văn bản hiện tồn chắc chắn sẽ ít hơn nhiều so với thực tế, nhất là văn bản có niên đại sớm. Thông tin thu thập được từ các văn bản thế kỷ XVII ở Bảng 1 đã cho thấy điều đó một cách rõ ràng, với dấu hiệu là còn lại rất ít văn bản. Tuy nhiên, hy vọng rằng, việc tính số lượt Hậu, tổng số Hậu và các thông tin hữu quan trên cơ sở tính số năm theo điểm đầu và cuối của niên đại những văn bản hiện còn, mà không tính theo số năm của thế kỷ (100 năm) như ở các bảng từ 1 đến 4 sẽ khắc phục phần nào sự chênh lệch về số lượng văn bản giữa thực tế và hiện trạng kể trên.

3. Sự thay đổi về giới tính của Hậu và số lượng Hậu

3.1. Sự thay đổi về giới tính

Có thể thấy, trong hai thế kỷ đầu, số Hậu nam nhiều hơn Hậu nữ. Nhưng ở hai thế kỷ sau, giới tính của Hậu đã đi theo chiều ngược lại. Khá nhiều học giả nhận thấy trong Hậu Phật thì Hậu nữ nhiều hơn Hậu nam, còn trong Hậu thần và Hậu Hiền thì ngược lại và điều đó được lý giải là do “Chùa là địa điểm sinh hoạt tín ngưỡng có sức hút cao đối với phụ nữ, phụ nữ thường mộ đạo Phật hơn nam giới, ở chùa luôn có các bà vải, nhiều sư trụ trì là nữ. Chùa là nơi mỗi cá nhân có thể gửi gắm, dãi bày nỗi niềm riêng tư, cầu

mong cho bản thân, gia đình. Chính vì vậy, phụ nữ thường tham gia đóng góp vào chùa nhiều hơn nam giới. [...] Lý do nam giới thường ít cung tiến vào chùa hơn là vì họ thường đóng góp vào những công việc cụ thể, thiết thực trong đời sống làng xã như xây đình, trả nợ thuế, chi tiền quan dịch, xây chợ, cây cầu... hơn là đầu tư cho Phật giáo”⁷; “Từ chỉ là nơi tôn nghiêm, chỗ hội họp, tế tiên thánh, tiên hiền, đôi khi làm nơi trường học của tầng lớp trí thức Nho học ở nông thôn thích hợp hơn với nam giới trong việc thờ cúng; còn nữ giới thường lấy chùa, nơi từ bi, hỉ xả làm nơi thờ cúng cho bản thân”⁸. Tuy nhiên, kết quả thống kê các văn bản Hưng Yên cho thấy, những nhận định này chỉ phù hợp với 2 thế kỷ XVII và XVIII, vì số lượng Hậu Thần đều cao hơn Hậu Phật. Nhưng thế kỷ XIX và XX thì không như vậy: nữ cao hơn nam, mà số Hậu Hiền và Hậu Thần lại nhiều hơn Hậu Phật. Tức là, trong hai thế kỷ XIX và XX, ở cả hai môi trường không mấy phù hợp với phụ nữ theo quan điểm phong kiến, số lượng Hậu nữ đều nhiều hơn Hậu nam (thế kỷ XIX: 50,43% nữ, 46,38% nam, 3,19% không rõ; thế kỷ XX: 44,25% nữ; 26,55% nam; 29,20% không rõ). Vậy phải chăng, nhân tố quyết định giới tính của Hậu không hẳn chỉ là những nguyên nhân trên, mà còn do nguyên nhân khác, trong đó, có thể có cái gọi là

“hiệu ứng đám đông”, hoặc do một nguyên nhân đặc biệt nào đó. Sở dĩ chúng tôi có nhận định như vậy là bởi theo thống kê của nhiều nhà nghiên cứu, trong các loại Hậu, thì Hậu Thần, Hậu Phật luôn có số lượng áp đảo các loại Hậu khác - trong đó có Hậu Hiền. Tuy nhiên, kết quả khảo sát các văn bản tục lệ Hưng Yên thì lại cho thấy trong thế kỷ

XIX, Hậu Hiền không những không kém hai loại Hậu kể trên, mà lại còn có số lượng gần gấp đôi Hậu Thần. Cụ thể về số lượng các loại Hậu đó như sau: Hậu Hiền: 88; Hậu Phật: 86; Hậu Thần: 47. Sự phân bố về thời gian và không gian của Hậu Hiền cụ thể ở bảng dưới đây:

Bảng 6: Tình hình phân bố của Hậu Hiền thế kỷ XIX

Đời vua	Số lượng Hậu Hiền	Giới tính		Năm đầu và năm cuối của các văn bản	Số đơn vị chịu trách nhiệm thờ cúng			Tổng số đơn vị chịu trách nhiệm thờ cúng	Trung bình số lượt Hậu/năm	Trung bình số Hậu/năm	Trung bình số Hậu/lượt
		Nữ	Nam		Giáp	Thôn	Xã				
Gia Long	2	1	1	1811 = 1 năm		1		1	1	2	2
Minh Mạng	12	7	5	1821 = 1 năm		10		10	10	12	1,2
Tự Đức	29	11	18	1850 và 1883 = 34 năm	9	2	10	21	0,62	0,85	1,38
Thành Thái	45	27	18	1892 và 1893 = 2 năm		1	1	2	1	22,5	22,5
Tổng số	88	46	42		9	14	11	34			

Trong thế kỷ XIX, nhà Nguyễn có 10 đời vua, nhưng niên đại ghi trong văn bản chỉ có 4 đời. Phải chăng do các triều vua còn lại có thời gian không dài, thậm chí có những vị thời gian ở ngôi chỉ tính bằng tháng, nên việc không kịp phát sinh Hậu nào cũng là bình thường? Có thể thấy, qua các đời vua ở bảng trên, số lượng Hậu Hiền tăng dần. Tuy nhiên, nếu xét trung bình số lượt Hậu và số Hậu / năm thì đời Tự Đức sụt giảm mạnh. Nhưng sang đời Thành Thái, số lượng Hậu Hiền tăng đột biến. Chỉ trong 2 năm, với 2 lượt Hậu, nhưng số Hậu của triều này vượt trội so với các triều trước cả về số lượng Hậu, trung bình số Hậu/năm và trung bình số Hậu/lượt. Điều đáng lưu ý là trong 4

“gói” Hậu Hiền của thế kỷ XIX thì 2 “gói” có số Hậu nữ nhiều hơn Hậu nam, 2 “gói” còn lại thì 1 nam nữ ngang nhau, 1 nam nhiều hơn nữ. Nhưng tính tổng số Hậu Hiền, thì tỉ lệ nữ vẫn cao hơn nam (lần lượt là 52,27% và 47,73%). Không những thế, 2 trường hợp thuộc xã Ốc Nhiêu, tổng Hòa Bình, huyện Văn Giang, phủ Thuận An đã trở thành hiện tượng cá biệt khi người vợ đóng vai trò là Hậu Hiền, người chồng chỉ là người phối thờ với Hậu Hiền: “Hậu hiền [...] hiệu là Thục Tiết nhụ nhân. Hàng năm, giỗ vào ngày mùng 8 tháng 4. Văn khấn kính phối thờ với chồng là Chu công, húy Khoan Nhu phủ quân”⁹, “Hậu hiền Chu Thị Điền, hiệu là Trinh Thục. Hàng năm, giỗ chính vào

ngày 24 tháng 9. Văn khấn cung kính phối thờ với chồng và vợ lẽ [của chồng] là Nguyễn Thị Độ, hiệu là Trung Trinh”¹⁰. Ở những trường hợp tương tự, người phối thờ (nếu có) sẽ là vợ, nhưng ở đây thì người phối thờ lại là chồng hoặc chồng và vợ lẽ của chồng. Hiện chưa biết nguyên nhân nào dẫn tới số lượng Hậu Hiền đột biến trong thế kỷ XIX, đặc biệt là trong niên hiệu Thành Thái, cũng như duyên cớ của việc chồng là người phối thờ của vợ trong một nơi thờ cúng không mấy gắn bó với nữ giới¹¹. Nhưng qua đây, có thể thấy, những biện giải của một số học giả về duyên cớ dẫn đến việc Hậu Hiền nữ ít hơn nam được dẫn ở trên tuy có sức thuyết phục cao, nhưng lại không bao quát được những trường hợp vừa nêu.

3.2. Sự thay đổi về số lượng Hậu và loại Hậu

3.2.1. Sự thay đổi về số lượng Hậu

Kết quả thống kê ở bảng 5 cho thấy xu hướng chung là số lượng Hậu tăng dần từ thế kỷ XVII đến XIX, sau đó lại giảm ở thế kỷ XX. Sở dĩ nói “xu hướng chung” là bởi trong 4 tiêu chí: tổng số Hậu, trung bình lượt Hậu, trung bình số Hậu trong các thế kỷ, số lượng các loại Hậu (tổng cộng 9 cột, cả 4 tiêu chí

chính lẫn các tiêu chí nhánh), thì có tới 7 cột theo xu hướng nói trên. Chỉ trung bình số Hậu và Hậu Thần là theo hướng tăng dần từ thế kỷ XVII đến XX. Tuy nhiên, xét một cách tuyệt đối, thì xu hướng tăng dần có vẻ là xu hướng phù hợp với thực tế, bởi xét về số lượng Hậu, thế kỷ XX thấp hơn và chỉ bằng 36,22% của thế kỷ XIX, nhưng xét về số năm đầu cuối của văn bản, thì thế kỷ XIX có 91 năm, trong khi thế kỷ XX chỉ có 19 năm (thời gian chỉ bằng 20,88% thế kỷ XIX). Bởi vậy, tuy số lượt Hậu/năm của thế kỷ XX có giảm nhẹ, nhưng số Hậu/lượt thì tăng vọt so với thế kỷ trước.

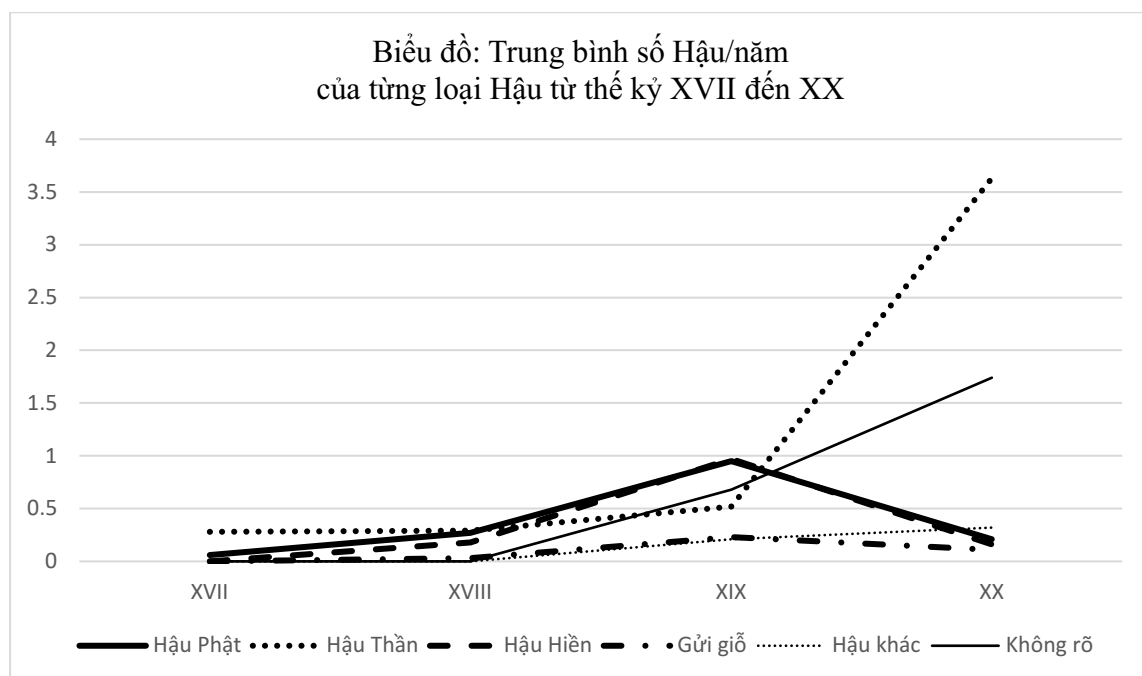
Về số lượng Hậu trong từng loại Hậu, Hậu Thần ngược lại với xu thế của các nhóm Hậu khác: trong khi các nhóm còn lại đều theo xu hướng chung là tăng dần từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, rồi giảm ở thế kỷ XX, thì Hậu Thần luôn đi theo hướng tăng lên. Tuy nhiên, như trên đã nói, do số năm thực (tính theo năm đầu cuối của văn bản) trong các thế kỷ không như nhau, bởi vậy, muốn biết số lượng tăng giảm thực sự, nếu chỉ đơn thuần nhìn vào tổng số Hậu trong thế kỷ đó thì không chính xác bằng việc tính trung bình số Hậu/năm, như bảng sau:

Bảng 7: Trung bình số Hậu/năm của từng loại Hậu từ thế kỷ XVII đến XX

Thế kỷ	Hậu Phạt	Hậu Thần	Hậu Hiền	Gửi giỗ	Hậu khác	Không rõ
XVII	0,06	0,28	0	0	0	0
XVIII	0,27	0,29	0,18	0,03	0	0
XIX	0,95	0,52	0,97	0,23	0,21	0,68
XX	0,21	3,63	0,16	0,11	0,32	1,74

Bảng trên cho ta biết về sự thay đổi của Hậu trong 4 thế kỷ theo hai chiều dọc và ngang: Chiều dọc thể hiện sự thay đổi về số

lượng trong 4 thế kỷ của từng loại Hậu, chiều ngang là số lượng của các loại Hậu trong thế kỷ. Các thông tin thay đổi được thể hiện qua biểu đồ dưới đây:



Xét về tổng số Hậu nói chung, xu hướng chủ yếu là tăng dần từ thế kỷ XVII đến XIX, rồi giảm ở thế kỷ XX. Tuy nhiên, nếu tính về số Hậu/năm như ở Bảng 7, thì chỉ 3/6 loại Hậu (Hậu Phật, Hậu Hiền, gửi giỗ) theo xu hướng đó, 3 loại còn lại (Hậu Thần, Hậu khác, không rõ) theo xu hướng tăng dần trong suốt 4 thế kỷ.

Xét về các loại Hậu trong từng thế kỷ, có thể thấy, Hậu Thần 3 lần đứng đầu về số lượng (thế kỷ XVII, XVIII, XX), Hậu Phật 3 lần đứng thứ hai (thế kỷ XVII, XVIII, XIX), Hậu Hiền, nếu theo thông tin từ nguồn văn bản tục lệ, thì đến XVIII mới có và sự xếp hạng không theo quy luật nào: xếp thứ 3/4 ở thế kỷ XVIII, thế kỷ XIX đứng đầu, rồi sang thế kỷ XX lại đứng ở vị trí 5/6. Có thể thấy, sự phát triển của Hậu Thần và Hậu Phật trong các thế kỷ khá ổn định, và thường là Hậu Thần nhiều hơn Hậu Phật. Nhưng Hậu Hiền thì có sự thay đổi lên xuống thất thường, đặc biệt là trong thế kỷ XIX - triều vua Thành Thái.

Một điều đáng chú ý là số liệu thống kê về Hậu thần, Hậu Phật của chúng tôi ở trên đã cho thấy độ chênh giữa thông tin phản ánh trong thư tịch và trong văn khắc, bởi theo sự thống kê của Dương Văn Hoàn, trong các loại bia Hậu thế kỷ XVII, XVIII hiện còn, bia Hậu Phật chiếm tỷ lệ áp đảo ($167/286 \text{ bia} = 58,39\%$), bia Hậu Thần ít hơn ($108/286 \text{ bia} = 37,76\%$)¹². Lý giải cho hiện tượng này, tác giả nhận định là do “mức giá” (tài sản cung tiến) để được tôn bâu làm ngôi Hậu Phật thông thường bao giờ cũng thấp hơn, thậm chí thấp hơn rất nhiều so với ngôi vị Hậu Thần¹³. Chúng tôi cũng đồng quan điểm với lý giải trên, nhưng với số liệu thống kê từ văn bản tục lệ như đã trình bày, có lẽ, cũng nên coi nhận định khi “ngôi đình đã trở thành trung tâm văn hóa tín ngưỡng của làng xã, mọi công việc chung nơi cộng đồng làng xã đều diễn ra tại đình”¹⁴ thì người ta sẽ hướng về nơi đó nhiều hơn, dẫn tới tỷ lệ Hậu Thần tăng đến mức vượt lên Hậu Phật như đã thấy ở nguồn văn bản tục lệ là hữu lý.

Hiện tượng tương tự cũng có thể đã xảy ra với các địa phương khác chứ không chỉ ở Hưng Yên.

Kết quả thống kê cho thấy sự khác nhau đến mức đối lập về số lượng hiện còn của lượng bia Hậu Phật, Hậu thần và các đơn bầu Hậu Phật, Hậu Thần được chép trong các văn bản tục lệ, cũng như sự lên xuống thất thường trong mối tương quan với các Hậu khác cùng thời kỳ của số lượng Hậu Hiền từ thế kỷ XVIII đến XX. Có thể thấy, nguyên nhân dẫn tới sự nhiều ít trong tỉ lệ giữa các loại Hậu không chỉ như đã được lý giải trước nay, mà có lẽ còn do nhiều yếu tố khác mang tính cá biệt của địa phương mà hiện vẫn chưa thể tìm hiểu một cách thấu đáo, trong đó, theo chúng tôi, không loại trừ “hiệu ứng đám đông” đã dẫn tới một phong trào như trường hợp triều vua Thành Thái kể trên.

3.2.2. Sự thay đổi về số lượng loại Hậu

Theo sự tìm hiểu của những người đi trước, chứng tích sớm nhất về bia Hậu (không tính đến những bia chỉ cho thấy là mầm mống của tục thờ Hậu¹⁵, chứ không thực sự là một bản “giao kèo” về thờ Hậu) có mốc thời gian như sau: Hậu Phật: 1531¹⁶; Hậu Thần: 1675¹⁷; Hậu Tộc: 1686¹⁸; Hậu Hiền: 1716¹⁹. Như vậy, theo dấu văn bia, sự xuất hiện sớm muộn của các loại Hậu lần lượt như sau: Hậu Phật - Hậu Thần - Hậu Tộc - Hậu Hiền. Kết quả thống kê từ văn bản tục lệ tỉnh Hưng Yên cho thấy niên đại văn bản Hậu Phật, Hậu Thần, Hậu Hiền tương đồng với những mốc thời gian trên, duy Hậu Tộc thì muộn hơn 3 thế kỷ so với thống kê của Mai Thu Quỳnh - niên đại văn bản Hậu tộc sớm nhất hiện còn là 1916. Đây cũng là điều dễ hiểu, bởi trong các loại Hậu, thì Hậu tộc chiếm số lượng ít nhất, bởi vậy, dấu tích

hiện còn của những “giao kèo” hữu quan ở một vùng nào đó cũng sẽ có nhiều khả năng ít hơn/muộn hơn so với những loại Hậu khác - không loại trừ khả năng có những văn bản sớm hơn, nhưng đã thất lạc. Thống kê bia Hậu Tộc của Mai Thu Quỳnh cho thấy bia Hậu tộc xuất hiện sớm nhất tại Hưng Yên hiện còn là thuộc thế kỷ XIX - năm 1899²⁰. Như vậy, qua thư tịch và văn khắc hữu quan, có thể thấy Hậu tộc ở Hưng Yên xuất hiện khá muộn.

Qua Bảng 7, có thể thấy, Hậu Phật và Hậu Thần là hai loại Hậu sớm nhất ở Hưng Yên - thế kỷ XVII. Theo tư liệu hiện còn, Hậu Phật được nhiều học giả cho rằng xuất hiện trước Hậu Thần - chúng tôi cũng đồng thuận với ý kiến trên, tuy nhiên, kết quả thống kê văn bản tục lệ ở tỉnh này lại cho thấy Hậu Thần xuất hiện trước. Có thể do tư liệu hiện tồn không đầy đủ nên dẫn tới điều đó chăng? Điều này cần tìm hiểu sâu hơn. Trong thế kỷ XVII, chỉ có hai loại Hậu kể trên, với số lượng Hậu Thần nhiều hơn hậu Phật. Sang thế kỷ XVIII, có thêm 2 loại nữa là Hậu Hiền và Gửi giỗ. Hậu Thần vẫn đứng đầu về số lượng, tiếp đến lần lượt là Hậu Phật - Hậu Hiền - Gửi giỗ²¹. Thế kỷ XIX, đã xuất hiện thêm các Hậu khác, cụ thể là Hậu Ngõ và Hậu Khu, với sự nhiều ít lần lượt là Hậu Hiền - Hậu Phật - Hậu Thần - Hậu khác - Gửi giỗ. Thế kỷ XX loại Hậu về đại thể vẫn như thế kỷ trước, chỉ có điều “Hậu khác” không phải là Hậu Ngõ, Hậu Khu, mà là Hậu Tộc và Hậu Thôn. Thứ tự từ nhiều đến ít của các loại Hậu trong thế kỷ này là: Hậu Thần - Hậu khác - Hậu Phật - Hậu Hiền - Gửi giỗ.

Có thể thấy, xu hướng chung trong bốn thế kỷ là càng ngày càng có nhiều loại Hậu mới và trừ trường hợp Hậu Hiền trong thế

kỷ XIX, các loại Hậu mới thường có số lượng ít hơn các loại cũ. Đây có lẽ là do sự chi phối của tâm lý muốn làm theo thói quen cũ, cho nên một hiện tượng mới xuất hiện chưa thể phổ biến ngay và nhanh trong đời sống xã hội.

4. Sự thay đổi về nơi chịu trách nhiệm thờ Hậu

Nơi chịu trách nhiệm thờ Hậu nhiều khi không liên quan đến danh vị Hậu. Ví dụ,

Bảng 8: Nơi chịu trách nhiệm thờ Hậu

Thế kỷ	Số lượng nơi chịu trách nhiệm cúng thờ							
	Giáp	Liên giáp	Khu	Ngõ	Họ	Thôn	Xã	Liên xã thôn
XVII						7	2	
XVIII						33	14	1
XIX	17	1	1	1		78	44	7
XX	20				1	10	1	
Tổng số	37	1	1	1	1	128	61	8

Xét về số lượng, những nơi chịu trách nhiệm thờ Hậu xếp theo thứ tự từ nhiều đến ít như sau: thôn (128) - xã (61) - giáp (37) - liên xã thôn (8) - liên giáp, khu, ngõ, họ (1).

Xét về thời gian của những đơn vị/tổ chức đó, thì thôn và xã xuất hiện ở cả 4 thế kỷ; dạng phái sinh của thôn, xã là liên xã thôn chỉ xuất hiện ở thế kỷ XVIII và XIX; giáp xuất hiện ở thế kỷ XIX và XX; liên giáp, khu, ngõ đều chỉ xuất hiện ở thế kỷ XIX; họ xuất hiện muộn nhất: thế kỷ XX.

Có thể thấy, ở Hưng Yên, với tư cách là đơn vị/tổ chức chịu trách nhiệm thờ cúng Hậu, thì xã và thôn là hai đơn vị xuất hiện đầu tiên và liên tục trong suốt 4 thế kỷ và thôn là nơi được Hậu gửi gắm nhiều nhất; liên xã thôn xuất hiện muộn hơn và không liên tục,

Hậu Thần có thể do giáp thờ, Hậu Phật có thể do thôn/xã thờ, tùy vào nơi mà người Hậu công đức tiền của, hoặc nơi được giao sử dụng của cải mà Hậu công đức (được giao ruộng cày, được dùng tiền để cho vay lãi v.v.). Không phải văn bản tục lệ nào cũng ghi rõ nơi chịu trách nhiệm thờ Hậu, tuy nhiên, dựa vào những thông tin có được, chúng tôi đã thống kê ở bảng dưới đây:

với số lượng không nhiều; giáp xuất hiện muộn hơn liên xã thôn, với số lượng Hậu ít hơn xã, thôn khá nhiều; liên giáp, khu, ngõ vừa xuất hiện khá muộn, vừa trong giai đoạn ngắn (chỉ ở thế kỷ XIX) với số lượng Hậu ít nhất; họ xuất hiện muộn nhất và cũng chỉ có ở thế kỷ XX, số lượng cũng ít nhất. Như vậy, trong tục thờ Hậu, thôn và xã là hai đơn vị nòng cốt, xuất hiện sớm và tồn tại trong suốt lịch sử thờ Hậu. Sau đó, trên cơ sở xã, thôn, hình thức liên xã thôn đã ra đời, tuy nhiên cũng không phải là hình thức phổ biến. Những đơn vị nhỏ hơn xã, thôn là giáp, liên giáp, khu, ngõ xuất hiện muộn hơn nữa, với thời gian tồn tại và số lượng Hậu không đáng kể. Họ cũng có chung đặc điểm với giáp, liên giáp, khu, ngõ và xuất hiện muộn nhất trong các đơn vị/tổ chức. Từ số lượng và thời gian

xuất hiện, có thể thấy thôn là đơn vị hạt nhân của hoạt động thờ Hậu, sau đó đến xã. Giáp tuy ít hơn thôn, xã khá nhiều, nhưng so với các đơn vị tạm coi là cùng cấp (nhỏ hơn làng xã) thì có số lượng vượt hẳn. Đây là điều dễ lý giải, bởi giáp là tổ chức gắn bó với người dân từ khi ra đời đến khi nằm xuống. Mọi hoạt động chung trong làng xã hầu như đều thông qua giáp. Điều đó đã dẫn đến giáp được nhiều người lựa chọn làm nơi nhờ cậy sau khi “trăm tuổi” hơn hẳn những đơn vị/tổ chức dưới thôn xã khác.

5. Kết luận

Qua văn bản tục lệ tỉnh Hưng Yên, có thể thấy tục thờ Hậu ở Hưng Yên có một số thay đổi từ thế kỷ XVII đến XX như sau:

Thay đổi về giới tính: trong hai thế kỷ đầu, số Hậu nam nhiều hơn Hậu nữ. Nhưng ở hai thế kỷ sau, tình hình đã đảo chiều. Thực tế thông tin từ văn bản cho thấy nguyên nhân thay đổi ở phương diện này rất phức tạp - đặc biệt là giới tính trong từng loại Hậu, không phải lúc nào cũng có thể lý giải một cách đơn thuần như vẫn được hiểu trước nay.

Thay đổi về số lượng Hậu: xu hướng chung là số lượng Hậu tăng dần. Trong đó, sự phát triển của Hậu Thần và Hậu Phật trong các thế kỷ khá ổn định, và thường là Hậu Thần nhiều hơn Hậu Phật. Nhưng Hậu Hiền thì có sự thay đổi lên xuống thất thường, đặc biệt là trong thế kỷ XIX.

Thay đổi về số lượng loại Hậu: Hậu Phật và Hậu Thần ở Hưng Yên là hai loại Hậu xuất hiện sớm nhất - thế kỷ XVII. Sang thế kỷ XVIII, có thêm 2 loại là Hậu Hiền và gửi giỗ. Thế kỷ XIX, lại xuất hiện thêm Hậu khác. Thế kỷ XX mới thấy văn bản liên quan đến Hậu tộc. Tuy nhiên, xét về lịch sử phát triển của thờ Hậu, nhiều khả năng, các văn

bản bầu Hậu Tộc ở Hưng Yên không phải đợi đến lúc đó mới xuất hiện, mà đã có từ sớm hơn, nhưng hiện không còn lưu giữ được tư liệu liên quan. Xu hướng chung trong bốn thế kỷ là càng ngày càng có nhiều loại Hậu mới và trừ trường hợp Hậu Hiền trong thế kỷ XIX, các loại Hậu mới phát sinh thường có số lượng ít hơn các loại cũ.

Thay đổi về nơi chịu trách nhiệm thờ Hậu: trong các đơn vị/tổ chức từ thôn trở lên thì thôn là đơn vị hạt nhân và chịu trách nhiệm nhiều nhất trong hoạt động thờ Hậu, sau đó đến xã; hai đơn vị này xuất hiện sớm nhất và tồn tại trong suốt lịch sử thờ Hậu. Trong các đơn vị/tổ chức dưới thôn, thì giáp - với tư cách là đơn vị chịu trách nhiệm thờ Hậu - xuất hiện sau xã, thôn, liên xã thôn; tuy ít hơn thôn, xã khá nhiều, nhưng so với các đơn vị cùng cấp (nhỏ hơn thôn) thì có số lượng vượt trội./.*

Đ.P.C

*Bài viết được hình thành trên cơ sở Đề tài cấp Bộ (2023 - 2024): “Nghiên cứu tục Thờ Hậu ở Hưng Yên qua văn bản tục lệ Hán Nôm”, do TS. Đào Phương Chi làm Chủ nhiệm.

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Thực tế văn bản cho thấy có rất nhiều thuật ngữ để chỉ việc ai đó được trở thành Hậu: bầu, mua, bán, đặt v.v... Tuy nhiên, để trở thành Hậu, người đó phải được làng xã/tổ chức/đơn vị nào đó nhất trí thông qua. Bởi vậy, chúng tôi thấy từ “bầu” là phù hợp với mọi “khoán ước” hữu quan và sẽ dùng từ này để chỉ chung cho tất cả các trường hợp.

2. Đơn bầu: thuật ngữ được sử dụng để chỉ những bản giao ước về việc thờ Hậu. VD: cuối bản *Bầu Hậu Thần khoán từ* của xã Ngân Hạnh (trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Hòa Bình tổng nhĩ xã Ngân Hạnh Chấn Đông tục lệ* /興安省安美縣和平總二社銀杏震東俗例) có ghi:

“Nguyễn Xuân Cát kính viết tờ đơn bầu và ký tên /阮春吉奉寫保單詞字記” (tờ 18b); hay: “[...] bản xã có lòng thành, luôn luôn nhớ ơn, cùng hội hợp tại đình, chúng khẩu đồng từ, cam kết viết đơn bầu Hoàng Thị Thịnh - chính thất của Đô lại Hà tỉnh Quảng Yên trước đây làm Hậu thân [...] /本社有孚誠心不忘思慕共會在亭眾口同辭甘結寫單保前廣安省都吏何正室黃氏盛為神後” (*Bảo trí Hậu thân khoán lệ từ* của xã Mỹ Xá, trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Khoá Nhu tổng các xã tục lệ* /興安省安美縣跨樞總各社俗例, ký hiệu AF.a3/27, tờ 6b).

Khá nhiều trường hợp ghi trong đơn là sẽ dựng bia sau khi Hậu mất. Có lẽ, sau khi Hậu trăm tuổi, những nội dung quan trọng của đơn sẽ được khắc vào bia, để lưu truyền muôn đời.

3. Hai mốc thời gian này được tính dựa trên thực tế văn bản hiện còn, trong thực tế chắc chắn là nhiều văn bản có niên đại trước mốc đầu và sau mốc cuối vì nhiều nguyên nhân, mà không có mặt trong kho tục lệ.

4. *Số lượt Hậu* là các “gói” Hậu/giao kèo thờ Hậu - có thể là 1 hoặc nhiều Hậu/”gói” (ví dụ: xã Mỹ Xá có “gói” Hậu lập vào năm Thành Thái 8 (1896), gồm 9 Hậu). *Số Hậu* là tổng cộng tất cả số Hậu trong các gói.

5. Có người cho rằng “gửi giỗ” và “Hậu” là hai đối tượng có tính chất khác nhau nên không thể xếp chung (ví dụ: Trần Thị Kim Anh (2004), “Bia Hậu ở Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3/2004). Tuy nhiên, thực tế cho thấy, tất cả những người được làng thờ cúng, cho dù có danh vị “Hậu”, hay chỉ ghi là “gửi giỗ/ký kỵ” đều có chung một đặc điểm là cung tiến tài vật hoặc giúp cho làng xã một việc nào đó và làng xã đền đáp lại bằng cách thờ cúng sau khi người đó “trăm tuổi”, tức là mục đích của người được thờ và đơn vị/tổ chức chịu trách nhiệm thờ trong các trường hợp giống nhau về bản chất, bởi vậy đều có thể xếp chung vào những đối tượng được “thờ Hậu”. Hơn nữa, theo quan niệm của người đương thời, những người “gửi giỗ” cũng chính

là “Hậu”. Không khó để tìm thấy những thông tin như vậy trong các văn bản. Ví dụ: Điều lệ giáp Bắc, định bản năm 1824, tờ 8b (trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Khoá Nhu tổng Bình Phú xã bát giáp tứ hội hợp đình tục lệ* /興安省安美縣跨樞總平富社八甲四會合訂俗例), ký hiệu AF.a3/23 ghi việc hai vợ chồng ông Nguyễn Mậu Công gửi giỗ, nhưng cả hai người đều được gọi là “Hậu”; Tục lệ thôn Cầu, định bản năm 1896, tờ 7b (trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Sài Trang tổng các xã tục lệ* /興安省安美縣崇莊總各社俗例, ký hiệu AF.a3/51 ghi việc vợ chồng ông Dương Văn Kính “gửi giỗ”, nhưng vẫn ghi là “bầu Hậu” v.v...

6. Hậu khác bao gồm: Hậu Tộc, Hậu Ngõ, Hậu Khu, Hậu Thôn. Do số lượng quá ít, nên được gom chung vào một loại.

7. Lê Thị Thu Hương (2021), “Tìm hiểu văn bia Hậu Phật thế kỷ XVII phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 năm 2021, tr. 50. Xem thêm Phạm Thị Thùy Vinh (2003), *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã*, NXB. Văn hóa Thông tin, tr.148, 153.

8. Nguyễn Hữu Mùi (2021), “Phong tục bầu Hậu Hiền ở vùng đồng bằng Bắc Bộ nhìn từ vai trò của Hội Tư văn và Tư võ”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 năm 2021, tr.51.

9. *Tục lệ xã Ốc Nhiêu*, định bản vào niên hiệu Cảnh Hưng, tờ 2a-2b, trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Hòa Bình tổng Ốc Nhiêu xã tam thôn Ấu, Giữa, Chùa tục lệ* /興安省安美縣和平總沃饒社三村幼紳廚俗例, ký hiệu AF.a3/18.

10. *Tục lệ xã Ốc Nhiêu*, sdd, tờ 11a.

11. Bùi Quốc Linh đã lý giải về hiện tượng số Hậu Thần (thờ ở đình, là nơi không liên quan đến phụ nữ) của tỉnh Thái Bình có số lượng Hậu nữ nhiều hơn Hậu nam là do “đơn vị tiếp nhận tài sản cung tiến và đơn vị sử dụng tài sản cung tiến độc lập với nhau [...] đơn vị tiếp nhận công đức tức hội đồng kỳ mục chỉ quan tâm tới câu chuyện ai là người mang tới lợi ích kinh tế? Và

lợi ích là bao nhiêu để giải quyết vấn đề khó khăn của họ chứ không quan trọng người công đức thuộc về phái tính nào” (Bùi Quốc Linh (2022), “Giới tính và công đức: Nghiên cứu trường hợp văn bia Hậu tỉnh Thái Bình”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4/2022, tr.13). Tôi đồng tình với nhận định trên.

12. Dương Văn Hoàn (2021), “Tổng quan nguồn tư liệu văn bia Hậu tỉnh Hưng Yên thế kỷ XVII - XVIII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5, tr.95.

13. Dương Văn Hoàn (2021), bđd, tr.95.

14. Trần Thị Thu Hường (2020), *Văn bia Hậu Thần Việt Nam (thế kỷ XVII-XVIII)*, NXB. Văn học, tr.138.

15. Ví dụ: “*Cửu Chân quân Bảo An đạo tràng chi bi văn* khắc năm 618 do Nguyễn Nhân Khí soạn, nói về việc xây phần uynh (sinh phần) của Lê Hầu cũng như đài Sùng Tịnh tại chùa Bảo An” (Trần Trọng Dương (2021), “Tín ngưỡng thờ Hậu: Khái niệm, cấu trúc và loại hình”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5/2021, tr.34.

16. Trần Thị Thu Hường (2021), “Tục bâu Hậu Thần ở Việt Nam từ truyền thống tới đương đại: Khảo cứu từ nguồn tư liệu văn bia Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5, tr.35.

17. Trần Thị Thu Hường (2021), bđd, tr.36.

18. Mai Thu Quỳnh (2021), “Tổng quan về tư liệu văn bia Hậu Tộc tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5/2021, tr.61.

19. Nguyễn Hữu Mùi (2021), bđd, tr.44.

20. Tư liệu chưa công bố do ThS. Mai Thu Quỳnh chia sẻ. Trân trọng cảm ơn!

21. Không tính đến những Hậu không rõ loại.

22. Điều lệ giáp Bắc, định bản năm 1824, trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Khoá Nhu tổng Bình Phú xã bát giáp tứ hội hợp đình tục lệ* /興安省安美縣跨樁總平富社八甲四會合訂俗, ký hiệu AF.a3/23, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

23. *Tục lệ thôn Cầu*, định bản năm 1896, trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Sài Trang tổng các xã tục lệ* /興安省安美縣柴莊總各社俗例, ký hiệu AF.A3/51, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

24. Tục lệ xã Mỹ Xá, trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Khoá Nhu tổng các xã tục lệ* 興安省安美縣跨樁總各社俗例, ký hiệu AF.a3/27, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

25. *Tục lệ xã Ốc Nhiêu*, định bản vào niên hiệu Cảnh Hưng, trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Hòa Bình tổng Ốc Nhiêu xã tam thôn Ấu, Giữa, Chùa tục lệ* 興安省安美縣和平總沃饒社三村幼舛廚俗例, ký hiệu AF.a3/18, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

26. Phạm Thị Thùy Vinh (2003), *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã*, NXB. Văn hóa Thông tin.